TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN VIỆT YÊN** **TỈNH BẮC GIANG**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do- Hạnh phúc**

Bản án số: 46/2023/DS - ST
Ngày 16 tháng 8 năm 2023
V/v "Tranh chấp hợp đồng tín dụng".

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN VIỆT YÊN

***- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có*:**

Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà: Ông Nguyễn Văn Trường.

Các Hội thẩm nhân dân: Bà Dương Thị Hoa, ông Nguyễn Văn Chiến.

- Thư ký phiên toà: Bà Nguyễn Thị Thu Hương - Thư ký Toà án nhân dân huyện Việt Yên.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Việt Yên tham gia phiên tòa: Ông Lê Đình Luyện - Kiểm sát viên.

Trong ngày 16/8/2023 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Việt Yên mở phiên toà xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự sơ thẩm thụ lý số: 96/2020/TLST-DS ngày 27/10/2020 về việc *"Tranh chấp hợp đồng tín dụng"*; Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 36/2023/QĐXXST-DS ngày 27/6/2023; Quyết định hoãn phiên tòa số 65/2023/QĐST-DS ngày 27/7/2023 giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Ngân hàng TMCP V

Địa chỉ trụ sở: Số 89 L, phường L, quận Đống Đa, thành phố Hà Nội.

Người đại diện theo pháp luật: Ông Ngô Chí D. Chức vụ: Chủ tịch Hội đồng quản trị V.

Người đại diện theo ủy quyền: Ông Đỗ Hoàng Lo. Chức vụ: Giám đốc trung tâm thu hồi nợ khách hàng doanh nghiệp và xử lý nợ pháp lý (Văn bản ủy quyền số 58/2023/UQN-CTQT ngày 12/7/2023 của ông Ngô Chí D).

Đại diện theo ủy quyền tham gia tố tụng: Ông Nguyễn Văn Đ (vắng mặt), ông Ngô Thế T (vắng mặt) và ông Nguyễn Văn C (có mặt)- Chuyên viên xử lý nợ.

- *Bị đơn:*

1. Ông Đoàn Văn T, sinh năm 1969. (có mặt)
2. Bà Nguyễn Thị H, sinh năm 1972. (vắng mặt)

Cùng địa chỉ: Thôn N, xã S, huyện Việt Yên, tỉnh Bắc Giang.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện đề ngày 11/9/2020 và quá trình tố tụng tại Tòa án, nguyên đơn Ngân hàng TMCP V (VP) do ông Nguyễn Văn Cường đại diện trình bày:

Ngân hàng TMCP V (Viết tắt là VP) và ông Đoàn Văn T, bà Nguyễn Thu H ký 03 Hợp đồng tín dụng cụ thể như sau:

Khoản vay theo Hợp đồng cho vay hạn mức số: LN1901081180162 ngày 10/01/2019 và Khế ước nhận nợ lần 1/số: LN1901081180162 ngày 20/9/2019. Số tiền vay: 1.000.000.000 đồng (Bằng chữ: Một tỷ đồng). Thời hạn vay: 09 tháng. Kể từ ngày giải ngân ngày 20/9/2019 đến ngày 20/6/2020. Mục đích sử dụng vốn vay: Bổ sung vốn kinh doanh buôn chuyến nông sản. Lãi suất trong hạn: Lãi suất tại thời điểm giải ngân là 11%/năm. Lãi suất được điều chỉnh định kỳ: 01 tháng/01 lần theo Hợp đồng cho vay và Khế ước nhận nợ đã ký kết. Lãi suất quá hạn: Bằng 150% lãi suất trong hạn kể từ thời điểm chuyển nợ quá hạn. Lãi suất chậm trả áp dụng đối với tiền lãi chậm trả: Bằng 150% lãi suất cho vay trong hạn áp dụng tại thời điểm chậm trả lãi nhưng tối đa không quá 10%/năm tính trên số dư lãi chậm trả tương ứng với thời gian chậm trả. Kỳ trả nợ gốc và lãi: theo quy định tại Hợp đồng cho vay và khế ước nhận nợ đã ký kết. Ngày chuyển nợ quá hạn: 16/01/2020.

Khoản vay theo Hợp đồng cho vay số: LN1901191209111 ngày 22/01/2019 và Khế ước nhận nợ lần 1/số: LN1901191209111 ngày 22/01/2019. Số tiền vay: 500.000.000 đồng (Bằng chữ: Năm trăm triệu đồng). Thời hạn vay: 120 tháng. Kể từ ngày giải ngân ngày 22/01/2019 đến ngày 22/01/2029. Mục đích sử dụng vốn vay: Bổ sung vốn kinh doanh buôn chuyến nông sản. Lãi suất trong hạn: Lãi suất tại thời điểm giải ngân là 11,5%/năm. Lãi suất được điều chỉnh định kỳ: 01 tháng/01 lần theo Hợp đồng cho vay và Khế ước nhận nợ đã ký kết. Lãi suất quá hạn: Bằng 150% lãi suất trong hạn kể từ thời điểm chuyển nợ quá hạn. Lãi suất chậm trả áp dụng đối với tiền lãi chậm trả: Bằng 150% lãi suất cho vay trong hạn áp dụng tại thời điểm chậm trả lãi nhưng tối đa không quá 10%/năm tính trên số dư lãi chậm trả tương ứng với thời gian chậm trả. Kỳ trả nợ gốc và lãi: theo quy định tại Hợp đồng cho vay và khế ước nhận nợ đã ký kết. Ngày chuyển nợ quá hạn: 11/01/2020.

Khoản vay theo Giấy đăng ký kiêm hợp đồng cho vay không TSBĐ, mở và sử dụng tài khoản thanh toán, thẻ ghi nợ và dịch vụ ngân hàng điện tử ngày 03/8/2017. Số tiền vay: 100.000.000 đồng (Bằng chữ: Một trăm triệu đồng). Thời hạn vay: 48 tháng. Kể từ ngày giải ngân ngày 07/8/2017 đến ngày 07/8/2021. Mục đích sử dụng vốn vay: tiêu dùng mua đồ gia dụng. Lãi suất trong hạn: 20%/năm. Lãi suất được điều chỉnh theo Hợp đồng tín dụng. Lãi suất quá hạn: Bằng 150% lãi suất trong hạn kể từ thời điểm chuyển nợ quá hạn. Kỳ trả nợ gốc và lãi: trả gốc lãi hàng tháng theo quy định tại Hợp đồng cho vay và khế ước nhận nợ đã ký kết. Ngày chuyển nợ quá hạn: 07/01/2020.

Tài sản bảo đảm cho khoản vay nêu trên là:

Tài sản 1. Toàn bộ Quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất tại thửa số: 17, tờ bản đồ số: Sơ đồ phân lô, diện tích: 93,5m^2. Địa chỉ: thôn N, xã S, huyện Việt Yên,

tỉnh Bắc Giang theo "Giấy chứng nhận Quyền sử dụng đất quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất" số: BX 502760; vào sổ cấp GCN: CH 00440 do UBND huyện Việt Yên, tỉnh Bắc Giang cấp ngày 19/12/2014 thuộc quyền sở hữu/sử dụng của ông Đoàn Văn T và bà Nguyễn Thị H.

Tài sản 2. Toàn bộ Quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất tại thửa số: 18, tờ bản đồ số: Sơ đồ phân lô, diện tích: 93,5m^2. Địa chỉ: thôn N, xã S, huyện Việt Yên, tỉnh Bắc Giang theo "Giấy chứng nhận Quyền sử dụng đất quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất" số: BX 502761; vào sổ cấp GCN: CH 00441 do UBND huyện Việt Yên, tỉnh Bắc Giang cấp ngày 19/12/2014 thuộc quyền sở hữu/sử dụng của ông Đoàn Văn T và bà Nguyễn Thị H.

Tài sản 3. Toàn bộ Quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất tại thửa số: 19, tờ bản đồ số: Sơ đồ phân lô, diện tích: 93,5m^2. Địa chỉ: thôn N, xã S, huyện Việt Yên, tỉnh Bắc Giang theo "Giấy chứng nhận Quyền sử dụng đất quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất" số: BX 502762; vào sổ cấp GCN: CH 00442 do UBND huyện Việt Yên, tỉnh Bắc Giang cấp ngày 19/12/2014 thuộc quyền sở hữu/sử dụng của ông Đoàn Văn T và bà Nguyễn Thị H.

Các biện pháp và tài sản bảo đảm cho các khoản vay được thỏa thuận cụ thể theo Hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất số: LN1707130113896 ngày 19/7/2017; Phụ lục hợp đồng số 01/PLHĐ ngày 10/01/2019 và Phụ lục hợp đồng số 02/PLHĐ ngày 22/01/2019 tại Văn phòng Công chứng Xương Giang và văn bản Thỏa thuận ngày 19/7/2017. Hợp đồng thế chấp được các bên ký kết bằng văn bản, công chứng, đăng ký giao dịch bảo đảm theo quy định của pháp luật.

Thực hiện 03 Hợp đồng tín dụng nêu trên VP đã giải ngân tổng cộng 1.600.000.000đ (Một tỷ sáu trăm triệu đồng) cho ông Đoàn Văn T và bà Nguyễn Thị H.

Quá trình thực hiện hợp đồng, tính đến ngày 16/8/2023, số tiền bà Nguyễn Thị H và ông Đoàn Văn T đã thanh toán cho VP tổng cộng: 212.144.859 đồng. Trong đó: Trả gốc: 94.404.919 đồng; Trả lãi: 117.739.940 đồng.

Do Ông T và bà H đã vi phạm nghĩa vụ trả nợ với VP nên toàn bộ khoản vay nêu trên đã bị chuyển sang nợ quá hạn với mức lãi suất nợ quá hạn. Tạm tính đến ngày 16/08/2023, tổng dư nợ của khoản vay nêu trên là: 2.584.974.388 đồng (Bằng chữ: Hai tỷ năm trăm tám mươi bốn triệu, chín trăm bảy mươi bốn nghìn, ba trăm tám mươi tám đồng). Trong đó: Tổng nợ gốc: 1.505.595.081 đồng; Nợ lãi trong hạn: 16.067.271 đồng; Lãi quá hạn: 1.057.536.482 đồng; Lãi chậm trả: 5.775.554 đồng.

Nay VP yêu cầu Tòa án tuyên buộc Ông T, bà H phải thanh toán trả cho VP số tiền nợ gốc, nợ lãi và các khoản phát sinh theo các hợp đồng tín dụng và khế ước nhận nợ tính đến ngày 16/8/2023 là 2.584.974.388 đồng (trong đó: Nợ gốc là 1.505.595.081 đồng, Nợ lãi trong hạn: 16.067.271 đồng; Lãi quá hạn: 1.057.536.482 đồng; Lãi chậm trả: 5.775.554 đồng).

Ông T, bà H phải tiếp tục chịu tiền lãi theo mức lãi suất đã thỏa thuận trong các Hợp đồng tín dụng cho đến ngày Ông T và bà H thực tế thanh toán hết nợ cho VP.

Trường hợp Ông T và bà H không trả nợ hoặc không trả nợ đầy đủ cho VP, VP có quyền yêu cầu cơ quan thi hành án có thẩm quyền kê biên phát mại tài sản bảo đảm để thu hồi nợ là:

Tài sản 1. Toàn bộ Quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất tại thửa số: 17, tờ bản đồ số: Sơ đồ phân lô, diện tích: 93,5m^2. Địa chỉ: thôn N, xã S, huyện Việt Yên, tỉnh Bắc Giang theo "Giấy chứng nhận Quyền sử dụng đất quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất" số: BX 502760; vào sổ cấp GCN: CH 00440 do UBND huyện Việt Yên, tỉnh Bắc Giang cấp ngày 19/12/2014 thuộc quyền sở hữu/sử dụng của ông Đoàn Văn T và bà Nguyễn Thị H.

Tài sản 2. Toàn bộ Quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất tại thửa số: 18, tờ bản đồ số: Sơ đồ phân lô, diện tích: 93,5m^2. Địa chỉ: thôn N, xã S, huyện Việt Yên, tỉnh Bắc Giang theo "Giấy chứng nhận Quyền sử dụng đất quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất" số: BX 502761; vào sổ cấp GCN: CH 00441 do UBND huyện Việt Yên, tỉnh Bắc Giang cấp ngày 19/12/2014 thuộc quyền sở hữu/sử dụng của ông Đoàn Văn T và bà Nguyễn Thị H.

Tài sản 3. Toàn bộ Quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất tại thửa số: 19, tờ bản đồ số: Sơ đồ phân lô, diện tích: 93,5m^2. Địa chỉ: thôn N, xã S, huyện Việt Yên, tỉnh Bắc Giang theo "Giấy chứng nhận Quyền sử dụng đất quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất" số: BX 502762; vào sổ cấp GCN: CH 00442 do UBND huyện Việt Yên, tỉnh Bắc Giang cấp ngày 19/12/2014 thuộc quyền sở hữu/sử dụng của ông Đoàn Văn T và bà Nguyễn Thị H.

Trường hợp kê biên phát mại tài sản bảo đảm không đủ trả nợ, Ông T và bà H có nghĩa vụ phải tiếp tục trả nợ cho VP phần nợ còn lại cho đến khi thực tế thanh toán hết nợ.

Bị đơn là ông Nguyễn Thu H được Tòa án triệu tập hợp lệ nhưng vắng mặt tại phiên tòa, đây là lần thứ 2 bà H vắng mặt không có lý do, Tòa án quyết định xét xử vắng mặt bị đơn. Bị đơn là ông Đoàn Văn T có mặt tại phiên toà trình bày:

Tính đến ngày 16/8/2023, Ông T, bà H còn nợ VP số tiền là 2.584.974.388 đồng (trong đó: Nợ gốc là 1.505.595.081 đồng, Nợ lãi trong hạn: 16.067.271 đồng; Lãi quá hạn: 1.057.536.482 đồng; Lãi chậm trả: 5.775.554 đồng).

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Việt Yên phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật trong quá trình giải quyết vụ án và trình bày quan điểm giải quyết đối với vụ án:

- Về việc tuân theo pháp luật tố tụng: Thẩm phán và Hội đồng xét xử đã chấp hành đúng quy định tại Điều 48 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 và thực hiện đúng các quy định của bộ luật tố tụng dân sự về phiên toà sơ thẩm. Việc chấp hành pháp luật của những người tham gia tố tụng kể từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm

Hội đồng xét xử nghị án nguyên đơn đã thực hiện đúng các quyền và nghĩa vụ quy định tại các Điều 70, Điều 71 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015; Bị đơn thực hiện chưa đúng các quy định tại Điều 70, Điều 72 và Điều 78 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015, không có mặt khi tòa án triệu tập cũng như vắng mặt khi xét xử. Thời hạn giải quyết vụ án đúng theo quy định tại khoản 1 Điều 203 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

- Về nội dung: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của VP.

Buộc ông Đoàn Văn T và bà Nguyễn Thu H phải trả cho VP tính đến ngày 16/8/2023 là 2.584.974.388 đồng (trong đó: Nợ gốc là 1.505.595.081 đồng, Nợ lãi trong hạn: 16.067.271 đồng; Lãi quá hạn: 1.057.536.482 đồng; Lãi chậm trả: 5.775.554 đồng).

Ông T, bà H phải tiếp tục chịu tiền lãi theo mức lãi suất quá hạn đã thỏa thuận trong các Hợp đồng tín dụng cho đến ngày Ông T và bà H thực tế thanh toán hết nợ cho VP.

Trường hợp Ông T và bà H không trả nợ hoặc không trả nợ đầy đủ cho VP, VP có quyền yêu cầu cơ quan thi hành án có thẩm quyền kê biên phát mại các tài sản bảo đảm để thu hồi nợ.

Trường hợp kê biên phát mại tài sản bảo đảm không đủ trả nợ, Ông T và bà H có nghĩa vụ phải tiếp tục trả nợ cho VP phần nợ còn lại cho đến khi thực tế thanh toán hết nợ.

Về chi phí thẩm định: Đề nghị Hội đồng xét xử buộc Ông T, bà H phải chịu do yêu cầu khởi kiện của VP được chấp nhận.

Về án phí: ông Đoàn Văn T và bà Nguyễn Thu H phải chịu án phí theo quy định của pháp luật. Hoàn trả VP số tiền tạm ứng án phí đã nộp.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

[1]. Về thủ tục tố tụng:

Về sự vắng mặt của đương sự: Bị đơn ông Đoàn Văn T và bà Nguyễn Thu H đã được Tòa án tống đạt các văn bản tố tụng, Quyết định đưa vụ án ra xét xử, Quyết định hoãn phiên tòa hợp lệ nhưng bị đơn vẫn vắng mặt. Đại diện thoe ủy quyền của nguyên đơn có đơn xin xử vắng mặt. Căn cứ vào các tài liệu có trong hồ sơ và theo quy định tại điểm b khoản 2 Điều 227, Điều 228 và Điều 238 Bộ luật tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vụ án theo thủ tục vắng mặt đối với tất cả các đương sự.

[2]. Về quan hệ pháp luật tranh chấp, thẩm quyền giải quyết tranh chấp và pháp luật áp dụng: Quan hệ tranh chấp giữa VP và ông Đoàn Văn T và bà Nguyễn Thu H là quan hệ dân sự giữa pháp nhân có đăng ký kinh doanh với cá nhân. Đây là quan hệ "Tranh chấp hợp đồng tín dụng", theo quy định tại khoản 3 Điều 26 Bộ luật tố tụng dân sự.

[3]. Xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn về việc yêu cầu buộc ông Đoàn Văn T, bà Nguyễn Thu H trả số tiền gốc, lãi là: 2.584.974.388 đồng.

VP yêu cầu Tòa án tuyên buộc Ông T, bà H phải thanh toán trả cho VP số tiền nợ gốc, nợ lãi và các khoản phát sinh theo hợp đồng tín dụng đã ký kết và khế ước nhận nợ tính đến ngày 16/8/2023 là 2.584.974.388 đồng (trong đó: Nợ gốc là 1.505.595.081 đồng, Nợ lãi trong hạn: 16.067.271 đồng; Lãi quá hạn: 1.057.536.482 đồng; Lãi chậm trả: 5.775.554 đồng).

Ông T, bà H nhất trí trả VP số tiền gốc, lãi còn nợ. Đề nghị VP cho vợ chồng Ông T, bà H được trả dần số tiền số nợ.

Hội đồng xét xử nhận thấy:

Xét yêu cầu của VP yêu cầu ông Đoàn Văn T và bà Nguyễn Thu H trả cho VP tính đến ngày xét xử sơ thẩm ngày 16/8/2023 là 2.584.974.388 đồng (trong đó: Nợ gốc là 1.505.595.081 đồng, Nợ lãi trong hạn: 16.067.271 đồng; Lãi quá hạn: 1.057.536.482 đồng; Lãi chậm trả: 5.775.554 đồng) là đúng với thỏa thuận trong hợp đồng tín dụng đã ký kết giữa VP với Ông T và bà H và phù hợp với quy định của pháp luật. Do vậy, cần chấp nhận yêu cầu khởi kiện của VP, buộc Ông T, bà H phải trả cho VP toàn bộ số tiền 2.584.974.388 đồng (trong đó: Nợ gốc là 1.505.595.081 đồng, Nợ lãi trong hạn: 16.067.271 đồng; Lãi quá hạn: 1.057.536.482 đồng; Lãi chậm trả: 5.775.554 đồng).

Kể từ ngày kế tiếp sau ngày xét xử sơ thẩm, bên phải thi hành án phải tiếp tục chịu lãi suất đối với khoản nợ gốc theo mức lãi suất thỏa thuận trong các hợp đồng tín dụng cho đến khi trả xong nợ gốc.

Xét yêu cầu của VP với tài sản thế chấp là:

Tài sản 1. Toàn bộ Quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất tại thửa số: 17, tờ bản đồ số: Sơ đồ phân lô, diện tích: 93,5m^2. Địa chỉ: thôn N, xã S, huyện Việt Yên, tỉnh Bắc Giang theo "Giấy chứng nhận Quyền sử dụng đất quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất" số: BX 502760; vào sổ cấp GCN: CH 00440 do UBND huyện Việt Yên, tỉnh Bắc Giang cấp ngày 19/12/2014 thuộc quyền sở hữu/sử dụng của ông Đoàn Văn T và bà Nguyễn Thị H.

Tài sản 2. Toàn bộ Quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất tại thửa số: 18, tờ bản đồ số: Sơ đồ phân lô, diện tích: 93,5m^2. Địa chỉ: thôn N, xã S, huyện Việt Yên, tỉnh Bắc Giang theo "Giấy chứng nhận Quyền sử dụng đất quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất" số: BX 502761; vào sổ cấp GCN: CH 00441 do UBND huyện Việt Yên, tỉnh Bắc Giang cấp ngày 19/12/2014 thuộc quyền sở hữu/sử dụng của ông Đoàn Văn T và bà Nguyễn Thị H.

Tài sản 3. Toàn bộ Quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất tại thửa số: 19, tờ bản đồ số: Sơ đồ phân lô, diện tích: 93,5m^2. Địa chỉ: thôn N, xã S, huyện Việt Yên, tỉnh Bắc Giang theo "Giấy chứng nhận Quyền sử dụng đất quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất" số: BX 502762; vào sổ cấp GCN: CH 00442 do UBND huyện Việt Yên, tỉnh Bắc Giang cấp ngày 19/12/2014 thuộc quyền sở hữu/sử dụng của ông Đoàn Văn T và bà Nguyễn Thị H.

Hội đồng xét xử xét thấy Hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất số: LN1707130113896 ngày 19/07/2017; Phụ lục hợp đồng số 01/PLHĐ ngày 10/01/2019 và Phụ lục hợp đồng số 02/PLHĐ ngày 22/01/2019 được các bên ký kết bằng văn bản, công chứng, đăng ký giao dịch bảo đảm theo quy định của pháp luật và có hiệu lực thi hành đối với các bên. Ngân hàng tiếp tục quản lý hồ sơ tài sản thế chấp để đảm bảo thi hành án.

Trường hợp kê biên phát mại tài sản bảo đảm không đủ trả nợ, Ông T và bà H có nghĩa vụ phải tiếp tục trả nợ cho VP phần nợ còn lại cho đến khi thực tế thanh toán hết nợ.

[3]. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan có yêu cầu độc lập là ông Nguyễn Mạnh Hùng và bà Trần Thị Huyền có đơn xin rút đơn khởi kiện về việc đề nghị Tòa án hủy hợp đồng thế chấp Hợp đồng thế chấp số LN1707130113896 ngày 19/7/2017 ký giữa VP với bà Nguyễn Thị H và ông Đoàn Văn T. Việc rút đơn khởi kiện yêu cầu độc lập là hoàn toàn tự nguyện. Ngày 20/3/2023, Toà án nhân dân huyện Việt Yên đã ra quyết định số 08a/2023/QĐST-DS đình chỉ yêu cầu độc lập của là ông Nguyễn Mạnh Hùng và bà Trần Thị Huyền.

[3]. Về chi phí thẩm định: VP đề nghị thẩm định chi phí hết tổng cộng 5.000.000 đồng. Do yêu cầu của VP được Toà án chấp nhận nên cần buộc Ông T, bà H phải chịu số tiền này.

[4]. Về án phí: Do yêu cầu khởi kiện của VP được chấp nhận nên Ông T, bà H phải chịu án phí dân sự sơ thẩm về dân sự theo quy định. Hoàn trả VP tiền tạm ứng án phí đã nộp.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm b khoản 1 Điều 39, Điều 147, khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 288, Điều 271, Điều 273, Điều 278 Bộ Luật tố tụng dân sự.

- Căn cứ Điều 317, Điều 318; Điều 319 Bộ luật dân sự.

- Căn cứ khoản 2 Điều 91, khoản 2 Điều 95, Điều 98 Luật các tổ chức tín dụng Việt Nam.

- Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 của Quốc Hội quy định về mức thu, nộp án phí, lệ phí tòa án.

Xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là Ngân hàng TMCP V đối với bị đơn ông Đoàn Văn T và bà Nguyễn Thu H.

2. Buộc ông Đoàn Văn T và bà Nguyễn Thu H phải trả cho Ngân hàng TMCP V tính đến ngày 16/8/2023 là 2.584.974.388 đồng (trong đó: Nợ gốc là 1.505.595.081

đồng, Nợ lãi trong hạn: 16.067.271 đồng; Lãi quá hạn: 1.057.536.482 đồng; Lãi chậm trả: 5.775.554 đồng).

Kể từ ngày kế tiếp sau ngày xét xử sơ thẩm, bên phải thi hành án phải tiếp tục chịu lãi suất theo mức lãi suất thỏa thuận trong 03 hợp đồng tín dụng và các khế ước nhận nợ (Hợp đồng cho vay hạn mức số: LN1901081180162 ngày 10/01/2019 và Khế ước nhận nợ lần 1/số: LN1901081180162 ngày 20/9/2019; Hợp đồng cho vay số: LN1901191209111 ngày 22/01/2019 và Khế ước nhận nợ lần 1/số: LN1901191209111 ngày 22/01/2019; Giấy đăng ký kiêm hợp đồng cho vay không TSBĐ, mở và sử dụng tài khoản thanh toán, thẻ ghi nợ và dịch vụ ngân hàng điện tử ngày 03/8/2017) cho đến khi ông Đoàn Văn T và bà Nguyễn Thị H trả hết nợ.

Trường hợp ông Đoàn Văn T và bà Nguyễn Thu H không thanh toán đầy đủ cho Ngân hàng TMCP V toàn bộ số tiền nợ thì Ngân hàng TMCP V có quyền đề nghị cơ quan thi hành án có thẩm quyền tiến hành phát mại tài sản đảm bảo là:

Tài sản 1. Toàn bộ Quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất tại thửa số: 17, tờ bản đồ số: Sơ đồ phân lô, diện tích: 93,5m^2. Địa chỉ: thôn N, xã S, huyện Việt Yên, tỉnh Bắc Giang theo "Giấy chứng nhận Quyền sử dụng đất quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất" số: BX 502760; vào sổ cấp GCN: CH 00440 do UBND huyện Việt Yên, tỉnh Bắc Giang cấp ngày 19/12/2014 thuộc quyền sở hữu/sử dụng của ông Đoàn Văn T và bà Nguyễn Thị H.

Tài sản 2. Toàn bộ Quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất tại thửa số: 18, tờ bản đồ số: Sơ đồ phân lô, diện tích: 93,5m^2. Địa chỉ: thôn N, xã S, huyện Việt Yên, tỉnh Bắc Giang theo "Giấy chứng nhận Quyền sử dụng đất quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất" số: BX 502761; vào sổ cấp GCN: CH 00441 do UBND huyện Việt Yên, tỉnh Bắc Giang cấp ngày 19/12/2014 thuộc quyền sở hữu/sử dụng của ông Đoàn Văn T và bà Nguyễn Thị H.

Tài sản 3. Toàn bộ Quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất tại thửa số: 19, tờ bản đồ số: Sơ đồ phân lô, diện tích: 93,5m^2. Địa chỉ: thôn N, xã S, huyện Việt Yên, tỉnh Bắc Giang theo "Giấy chứng nhận Quyền sử dụng đất quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất" số: BX 502762; vào sổ cấp GCN: CH 00442 do UBND huyện Việt Yên, tỉnh Bắc Giang cấp ngày 19/12/2014 thuộc quyền sở hữu/sử dụng của ông Đoàn Văn T và bà Nguyễn Thị H.

Theo Hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất số: LN1707130113896 ngày 19/07/2017; Phụ lục hợp đồng số 01/PLHĐ ngày 10/01/2019 và Phụ lục hợp đồng số 02/PLHĐ ngày 22/01/2019.

Trường hợp kê biên phát mại tài sản không đủ trả nợ, ông Đoàn Văn T và bà Nguyễn Thu H có nghĩa vụ tiếp tục trả cho Ngân hàng TMCP V phần nợ còn lại cho đến khi thực tế thanh toán hết nợ.

3. Về chi phí thẩm định: Buộc ông Đoàn Văn T và bà Nguyễn Thu H phải chịu số tiền 5.000.000 đồng (Năm triệu đồng). Ngân hàng TMCP V được nhận lại số tiền 5.000.000 đồng (Năm triệu đồng) khi ông Đoàn Văn T và bà Nguyễn Thu H nộp.

4. Về án phí:

- Buộc ông Đoàn Văn T và bà Nguyễn Thu H phải chịu 83.644.500 đồng (Tám mươi ba triệu sáu trăm bốn mươi bốn nghìn năm trăm đồng) án phí dân sự sơ thẩm.

- Trả lại cho Ngân hàng TMCP V số tiền 31.956.000 đồng (Ba mươi mốt triệu chín trăm năm mươi sáu nghìn đồng) theo biên lai số 0001401 ngày 27/10/2020 tại Chi cục thi hành án dân sự huyện Việt Yên.

5. Về quyền kháng cáo:

Các đương sự vắng mặt có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc được tống đạt hợp lệ.

6. Về hướng dẫn thi hành án dân sự: Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6,7, 7a, 7b và 9 Luật thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- TAND T. Bắc Giang;
- VKSND tỉnh Bắc Giang;
- VKS huyện Việt Yên;
- CCTHA dân sự huyện Việt Yên;
- Các đương sự;
- Lưu HS, VP.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà

Nguyễn Văn Trường

THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ **THẨM PHÁN- CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**